

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 179/TTr-SXD ngày 27 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường;

b) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, khai thác bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

c) Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Đối với xe ô tô chạy tuyến cố định:

STT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
1	Cự ly dưới 100km	Đồng/ghế/lượt	2.800
2	Cự ly từ 101km đến 200km	Đồng/ghế/lượt	4.200
3	Cự ly từ 201km đến 300km	Đồng/ghế/lượt	5.300
4	Cự ly từ 301km đến 500km	Đồng/ghế/lượt	7.000
5	Cự ly từ 501km đến 1.000km	Đồng/ghế/lượt	7.500
6	Cự ly từ trên 1.000km	Đồng/ghế/lượt	9.000

b) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô quy định tại điểm a khoản này là mức giá áp dụng đối với bến xe ô tô đạt quy chuẩn bến xe loại 3 và được tính bằng 100%. Các bến xe còn lại được xác định theo tỷ lệ (%) tương ứng so với bến xe loại 3, cụ thể như sau:

- Bến xe loại 1: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 110% bến xe loại 3;
- Bến xe loại 2: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 105% bến xe loại 3;
- Bến xe loại 4: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 95% bến xe loại 3;
- Bến xe loại 5: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 90% bến xe loại 3;
- Bến xe loại 6: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 85% bến xe loại 3.

2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách (nguồn vốn xã hội hóa)

a) Đối với xe ô tô chạy tuyến cố định:

STT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
1	Cự ly dưới 100km	Đồng/ghế/lượt	3.300
2	Cự ly từ 101km đến 200km	Đồng/ghế/lượt	4.950
3	Cự ly từ 201km đến 300km	Đồng/ghế/lượt	6.270
4	Cự ly từ 301km đến 500km	Đồng/ghế/lượt	7.500
5	Cự ly từ 501km đến 1.000km	Đồng/ghế/lượt	8.000
6	Cự ly từ trên 1.000km	Đồng/ghế/lượt	9.900

b) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô quy định tại điểm a khoản này là mức giá áp dụng đối với bến xe ô tô đạt quy chuẩn bến xe loại 1, được tính bằng 100%. Các bến xe còn lại được xác định giảm theo tỷ lệ (%) tương ứng so với bến xe loại 1, cụ thể như sau:

- Bến xe loại 2: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 95% bến xe loại 1;
- Bến xe loại 3: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 90% bến xe loại 1;
- Bến xe loại 4: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 85% bến xe loại 1;
- Bến xe loại 5: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 80% bến xe loại 1;
- Bến xe loại 6: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 75% bến xe loại 1.

3. Giá dịch vụ xe đón trả khách hoặc bốc dỡ hàng hóa không theo tuyến cố định

STT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
Dịch vụ xe vãng lai ra, vào bến tính theo lượt			
1	Xe taxi, xe ô tô con, xe tải dưới 1 tấn	Đồng/lượt	10.000
2	Xe ô tô khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi, xe tải từ 1 tấn đến 5 tấn	Đồng/lượt	20.000
3	Xe ô tô khách trên 30 chỗ ngồi, xe tải trên 5 tấn	Đồng/lượt	30.000
4	Xe máy	Đồng/lượt	5.000
Dịch vụ xe vãng lai ra, vào bến tính theo tháng			
1	Xe taxi, xe ô tô con, xe tải dưới 1 tấn	Đồng/tháng	500.000
2	Xe ô tô khách từ 9 chỗ đến 30 chỗ ngồi, xe tải từ 1 tấn đến 5 tấn	Đồng/tháng	700.000
3	Xe máy	Đồng/tháng	200.000

4. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô tại Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Đối với các loại xe được thiết kế theo tiêu chuẩn riêng (cabin, buồng, giường, ghế có kích thước lớn) thì giá tối đa dịch vụ được tính theo giá tối đa dịch vụ của loại xe tiêu chuẩn có cùng kích thước xe.

Số lượng ghế, số giường nằm, ghế ngồi và chỗ đứng trên xe được xác định theo thông tin ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

a) Triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này;

b) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra các bến xe trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm của các bến xe, đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường: Phối hợp, tổ chức thực hiện nghiêm túc Quyết định này và các quy định pháp luật khác có liên quan thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

3. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, khai thác bến xe

a) Dựa trên mức giá tối đa, thực hiện ban hành mức giá cụ thể làm cơ sở thu giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với các tổ chức, cá nhân có phương tiện ô tô ra vào bến;

b) Thực hiện niêm yết giá công khai thông tin về giá và thu theo giá niêm yết theo quy định pháp luật về giá và các quy định pháp luật khác có liên quan; thực hiện việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô có trách nhiệm chấp hành việc nộp giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

b) Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá dịch vụ xe ra, vào bến tại bến xe khách huyện Hàm Yên;

c) Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô tại bến xe khách thành phố Tuyên Quang và tại bến xe khách huyện, huyện Sơn Dương;

d) Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá dịch vụ xe ra, vào bến xe khách huyện Chiêm Hoá;

đ) Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 13 tháng 2 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá dịch vụ xe ô tô ra, vào bến xe khách huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

e) Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá dịch vụ xe ô tô ra, vào bến xe khách Kim Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

g) Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá dịch vụ xe ô tô ra, vào bến tại bến xe khách thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

3. Bãi bỏ số thứ tự 71 Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Trưởng Thuế tỉnh; Trưởng các Bến xe khách trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, QHĐTXD_{QĐ}.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn